

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 04 - 6 - 2020

V/v tranh chấp

“Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt
2. Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 573/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Số 154 ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đoàn Văn K, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Anh Nguyễn Tất P, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

3/ Chị Nguyễn Hồ Yến N, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày như sau:

Ngày 09/02/2019, chị có cho bà Huỳnh Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng, việc vay tiền có lập “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019”; thời hạn vay tiền là hai tháng (từ 09/02/2019 đến 09/4/2019); lãi suất theo quy định pháp luật. Nhưng từ khi hết thời hạn vay trên hợp đồng cho đến nay, bà Huỳnh Thị H vẫn chưa trả số tiền vay cho chị. Nay chị yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả cho chị số tiền vay là 150.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Chị xác nhận có việc bà Huỳnh Thị H mượn ông Nguyễn Tất P (địa chỉ: ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An) số tiền 150.000.000 đồng; sau đó anh P kết tiền nên chị, anh P và bà H thống nhất, chị sẽ cho bà H mượn số tiền 150.000.000 đồng để trả cho anh P và bà H ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” với chị về việc mượn chị số tiền 150.000.000 đồng. Còn việc bà H trình bày người mượn tiền là chị Huỳnh Thanh Tâm (tên thường gọi là H) - con gái bà Hường là không đúng; vì người trực tiếp mượn tiền và ký hợp đồng vay tiền là bà Huỳnh Thị H, còn việc bà H có mượn tiền thay chị H là quan hệ giữa bà H và chị H.

Chị chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị H thanh toán số tiền vay trên, không yêu cầu chủ thể khác có trách nhiệm đối với số tiền này, vì bà Huỳnh Thị H là người trực tiếp ký tên trên hợp đồng vay tiền.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Ngày 09 tháng 12 năm 2018, con gái bà là Huỳnh Thanh T (tên thường gọi là H) có mượn của ông Nguyễn Tất P số tiền 150.000.000 đồng để làm vốn buôn bán trái cây; thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 5%/tháng. Hai bên có làm giấy vay tiền viết tay nhưng do con gái bà Huỳnh Thanh H không đem theo chứng minh nhân dân nên bà là người trực tiếp ký giấy mượn tiền với anh P. Đến ngày 09/02/2019, vợ anh P (bà Nguyễn Hồ Yến N) và chị Nguyễn Thị Thu N đến nhà bà đòi lại số tiền 150.000.000 đồng mà ông Nguyễn Tất P cho mượn vào ngày 09/12/2018; con gái bà H chưa có tiền đưa lại nên các bên thống nhất chuyển giao số nợ 150.000.000 đồng từ ông Nguyễn Tất P sang chị Nguyễn Thị Thu N và ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” với chị Nguyễn Thị Thu N; hủy bỏ giấy vay tiền giữa bà với ông Nguyễn Tất P ngày 09/12/2018. Bà xác nhận bà có ký tên vào “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” với chị Nguyễn Thị Thu N nhưng bà không nhận số tiền 150.000.000 đồng; người vay tiền và nhận tiền là con gái bà Huỳnh Thanh T. Nên nay chị Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 150 triệu đồng, bà không đồng ý vì bà đã lớn tuổi, không có khả năng để thanh toán số tiền này;

bà đề nghị Tòa án cho bà H thời gian để bà liên lạc với con gái bà về thanh toán số tiền này.

Việc bà ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” với chị Nguyễn Thị Thu N không có liên quan gì đến chồng bà (ông Đoàn Văn K).

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị H đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thu N nhưng do đã lớn tuổi, không có đi làm và không có thu nhập ổn định hàng tháng nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn K trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2020: Ông là chồng bà Huỳnh Thị H, ông không biết việc bà H vay tiền của chị N do đó ông không có liên quan đến vụ án, ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tất P, chị Nguyễn Hồ Yến N trình bày tại Bản tự khai: bà Huỳnh Thị H mượn ông Nguyễn Tất P số tiền 150.000.000 đồng; sau đó anh P kẹ tiền nên chị N, anh P và bà H thống nhất, chị N sẽ cho bà H mượn số tiền 150.000.000 đồng để trả cho anh P và bà H ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” với chị N về việc mượn chị số tiền 150.000.000 đồng. Nay giữa anh chị và bà H không còn liên quan gì với nhau về tiền bạc, bà H phải có trách nhiệm trả tiền cho chị N. Anh P, chị N có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thấy rằng, bị đơn bà H xác nhận có ký nhận “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” với số tiền 150.000.000 đồng và đồng ý trả nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả tiền theo Hợp đồng mượn tiền ngày 25/7/2016. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị H có hộ khẩu thường trú tại ấp 1A, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Chị Nguyễn Thị Thu N và bà Huỳnh Thị H có lời trình bày thống nhất về việc ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 09/02/2019 và số tiền vay là 150.000.000 đồng. Bà H xác nhận có ký tên và ghi họ tên vào “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 09/02/2019. Nên đây được xem là tình tiết sự thật của vụ án, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, 93 Luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Bà H xác nhận có ký tên vào giấy vay tiền, xác nhận có việc mượn tiền từ anh P sau đó chuyển sang chị N, chị N và anh P cũng có lời trình bày xác nhận việc này nhưng bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N vì cho rằng người mượn tiền là con gái bà – chị Huỳnh Thanh H bà chỉ đứng ra ký tên thay con gái bà. Bà H xác định ban đầu mượn số tiền 150 triệu đồng từ anh P, sau đó các bên thống nhất chuyển giao số nợ 150.000.000 đồng từ ông Nguyễn Tất P sang chị Nguyễn Thị Thu N và ký “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/02/2019” nhưng chị N và anh P có lời trình bày thống nhất xác định bà H là người trực tiếp vay tiền và ký giấy xác nhận nợ với chị N nên chị N chỉ yêu cầu đòi với bà H.

Xét thấy, giấy vay tiền thể hiện chủ thể vay là bà H, bà H xác nhận có ký tên vào giấy vay tiền; việc bà H mượn thay cho chủ thể khác là giao dịch riêng của bà H, không liên quan đến chị N. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà mượn thay chủ thể khác, Tòa án đã ấn định thời hạn để bà H cung cấp địa chỉ của chị Huỳnh Thanh H nhưng bà H không cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của chị Huỳnh Thanh H trong vụ án; bà H có quyền khởi kiện đối với chị Huỳnh Thanh H bằng vụ án khác. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị H cũng có ý kiến đồng ý trả cho chị N số tiền 150 triệu đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2]. Bà H xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng do đã lớn tuổi, không có đi làm và không có thu nhập ổn định hàng tháng nhưng chị N không đồng ý. Xét thấy việc vay tiền đã lâu do đó, để đảm bảo quyền lợi cho chị N, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bà H xin trả dần; cần buộc bà H có nghĩa vụ trả cho chị N một lần số tiền vay.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ, phù hợp với Điều 466 BLDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Chị N không yêu cầu trả lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về trách nhiệm liên đới: Chị N xác định không yêu cầu chủ thể nào khác có trách nhiệm cùng liên đới với bà H để thanh toán tiền cho chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Từ những phân tích trên, xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483; Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu N đối với bà Huỳnh Thị H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thu N số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị H nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004024 ngày 03/12/2019 và 3.450.000 đồng theo biên lai thu số 0005213 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thi hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu HS, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thanh